

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội  
Trường THPT Trần Hưng Đạo -TX

Số: 265/QĐ-THĐTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 10 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách  
quý III năm 2020 của trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân.**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Báo cáo quyết toán quý 3/2020 của trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2020 của trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân

(theo biểu số 03 đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng, phòng kế toán và các bộ phận liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT...



**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Vũ Đình Hà

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo - TX  
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2020

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3/2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2020 như sau:

ĐV tính: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm           | Ước thực hiện 9 tháng cuối năm 2020 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý 3/2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                     | 4                                   | 5                                   | 6                                                           |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>5,300,014,000</b>  |                                     |                                     |                                                             |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>3,200,014,000</b>  | <b>2,268,934,000</b>                | 71%                                 | 151%                                                        |
| 1          | Học phí hệ có chỉ tiêu ngân sách                   | 3,110,044,000         | 1,486,519,000                       | 48%                                 | 105%                                                        |
|            | Lệ phí...                                          | 89,970,000            | 89,970,000                          | 100%                                | 106%                                                        |
|            | Lệ phí...                                          | 0                     |                                     |                                     |                                                             |
| 2          | Thu sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)   | 2,100,000,000         | 782,415,000                         | 37%                                 | 36%                                                         |
|            | - Thu học thêm                                     | 2,000,000,000         | 684,920,000                         | 34%                                 | 32%                                                         |
|            | - Thu liên kết TA kella                            | 100,000,000           | 97,495,000                          | 97%                                 | 100%                                                        |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | <b>5,300,014,000</b>  | <b>2,296,233,400</b>                | 43%                                 | 95%                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          | <b>5,300,014,000</b>  | <b>2,296,233,400</b>                | 43%                                 | 95%                                                         |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 5,300,014,000         | 2,296,233,400                       | 43%                                 | 95%                                                         |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                       |                                     |                                     |                                                             |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                       |                                     |                                     |                                                             |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       | <b>0</b>              |                                     | <b>0</b>                            |                                                             |
| <b>I</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                       |                                     |                                     |                                                             |
|            | Lệ phí...                                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                       |                                     |                                     |                                                             |
|            | - Thu giá dịch vụ tuyển sinh ĐH, CĐ                |                       | 0                                   |                                     |                                                             |
|            | Phí ...                                            |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>10,894,045,000</b> | <b>6,730,779,109</b>                | 62%                                 | 92%                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>10,894,045,000</b> | <b>6,730,779,109</b>                | 62%                                 | 92%                                                         |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                       |                                     |                                     |                                                             |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                       |                                     |                                     |                                                             |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                       |                                     |                                     |                                                             |

| Số TT     | Nội dung                                                | Dự toán năm           | Ước thực hiện 9 tháng cuối năm 2020 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý 3/2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----------|---------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức                |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      | <b>10,894,045,000</b> | <b>6,730,779,109</b>                | <b>62%</b>                          | <b>92%</b>                                                  |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | 10,882,445,000        | 6,730,779,109                       | 62%                                 | 92%                                                         |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | 11,600,000            |                                     | 0%                                  |                                                             |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 1.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 1.2       | Dự án B                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 2.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 2.2       | Dự án B                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 3.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 3.2       | Dự án B                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 4.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 4.2       | Dự án B                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 5.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 5.2       | Dự án B                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 6.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 6.2       | Dự án B                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 7.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 7.2       | Dự án B                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                       |                                     |                                     |                                                             |
| 8.1       | Dự án A                                                 |                       |                                     |                                     |                                                             |

2 TH  
 G  
 OC  
 NG  
 ĐẠT  
 JÂN  
 ION

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm | Ước thực hiện 9 tháng cuối năm 2020 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý 3/2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 8.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                                     |                                     |                                                             |
| 9.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 9.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                                     |                                     |                                                             |
| 10.1  | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 10.2  | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |             |                                     |                                     |                                                             |
| 1.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 1.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |             |                                     |                                     |                                                             |
| 2.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 2.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |             |                                     |                                     |                                                             |
| 3.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 3.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |             |                                     |                                     |                                                             |
| 4.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 4.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |             |                                     |                                     |                                                             |
| 5.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 5.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |             |                                     |                                     |                                                             |
| 6.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 6.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |             |                                     |                                     |                                                             |
| 7.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 7.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |             |                                     |                                     |                                                             |
| 8.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 8.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                                     |                                     |                                                             |
| 9.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 9.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                                     |                                     |                                                             |
| 10.1  | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                             |
| 10.2  | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                             |

Ngày 09 tháng 10 năm 2020

Hiệu trưởng



Vũ Đình Hà